

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 213, 219 và 651 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2022/TLST/HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Phạm Thị X, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

- *Bị đơn*: bà Phạm Thị L, sinh năm 1935; chị Hoàng Thị H, sinh ngày 18/7/1998; chị Hoàng Thị Mỹ H, sinh ngày 08/6/2004 (là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Văn H); cùng cư trú tại: thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị L*: ông Hoàng Nồng, sinh năm 1961; nơi cư trú: thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Anh Hoàng D, sinh năm 1990 và chị Trương Thị B, sinh năm 1993; cùng cư trú: thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

+ Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ: Số 266-268, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố H; người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thanh H - Giám đốc Ngân hàng

TMCP S, Chi nhánh Quảng Bình; người được ủy quyền lại: ông Trương Xuân T - Phó phòng kiểm soát rủi ro.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Tài sản chung của bà Phạm Thị X và ông Hoàng Văn H (đã chết ngày 07/01/2022) là thửa đất số 176, tờ bản đồ số 11, diện tích 364,5m² và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 02 tầng diện tích xây dựng 233,1m², tại thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 213226 ngày 15/12/2010, mang tên hộ ông Hoàng Văn H và bà Phạm Thị X; tổng trị giá quyền sử dụng đất và ngôi nhà gắn liền với thửa đất là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Trong khối tài sản trên, bà Phạm Thị X được quyền hưởng 1/2, trị giá 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); ông Hoàng Văn H được quyền hưởng 1/2 trị giá 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), do ông H đã chết nên phần tài sản ông H được hưởng thuộc về bà Phạm Thị L, chị Hoàng Thị H và chị Hoàng Thị Mỹ H (là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Văn H).

- Hai bên thỏa thuận việc phân chia khối tài sản chung của bà Phạm Thị X và ông Hoàng Văn H cụ thể như sau:

+ Bà Phạm Thị L và chị Hoàng Thị Mỹ H giao cho bà Phạm Thị X số tiền chia tài sản là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

+ Bà Phạm Thị L, chị Hoàng Thị H và chị Hoàng Thị Mỹ H cùng được quyền sử dụng thửa đất số: 176, tờ bản đồ số 11, diện tích 364,5m² và sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất là ngôi nhà 02 tầng diện tích xây dựng 233,1m², tại thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 213226 ngày 15/12/2010, mang tên hộ ông Hoàng Văn H và bà Phạm Thị X. Trong đó, bà Phạm Thị L, chị Hoàng Thị H và chị Hoàng Thị Mỹ H cùng được hưởng 1/2 khối tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); 1/2 khối tài sản còn lại trị giá 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Phạm Thị L và chị Hoàng Thị Mỹ H do bà Lớn và chị Hạnh phải giao cho bà X số tiền chia tài sản là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

+ Anh Hoàng D và chị Trương Thị B thống nhất giao bà Phạm Thị L, chị Hoàng Thị H và chị Hoàng Thị Mỹ H được sử dụng diện tích đất 63m² mà trước đây bà Phạm Thị X và ông Hoàng Văn H khi xây dựng ngôi nhà đã chồng lấn lên thửa đất số 190, tờ bản đồ số 11, diện tích 400,8m² tại thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 708854 ngày 23/01/2019, mang tên ông Hoàng D và bà Trương Thị B.

(Có Sơ đồ thửa đất số 176 và thửa đất số 190 tại tờ bản đồ số 11 đo vẽ ngày 08/6/2022 kèm theo).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị X thỏa thuận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

- Về án phí vụ kiện:

+ Bà Phạm Thị X phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu đồng*) để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 17.800.000 đồng (*Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0003238 ngày 05 tháng 4 năm 2022. Bà Phạm Thị X phải nộp tiếp số tiền 3.200.000 đồng (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*).

+ Bà Phạm Thị L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Phạm Thị L.

+ Chị Hoàng Thị H phải nộp 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

+ Chị Hoàng Thị Mỹ H phải nộp 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bồ Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu